**Quản lý cập nhật giá tiền món ăn chưa commit thì khách hàng vào xem thông tin món ăn.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên Use Case:** | Cập nhật giá món ăn. | |
| **Kịch bản:** | Quản lý muốn cập nhật lại giá của một món ăn. | |
| **Sự kiện kích hoạt:** | Quản lý chọn một món ăn rồi cập nhật giá. | |
| **Tóm tắt mô tả:** | Quản lý sẽ vào quản lý món ăn rồi thực hiện cập nhật giá của một món ăn. | |
| **Actors:** | Quản lý. | |
| **Stakeholders:** |  | |
| **Điều kiện trước:** | Quản lý đăng nhập thành công vào hệ thống. | |
| **Điều kiện sau:** | Số lượng của món ăn được cập nhật thành công. | |
| **Luồng chính:** | Actor | System |
| 1. Quản lý đăng nhập. 2. Quản lý chọn chức năng quản lý món ăn. 3. Quản lý nhấn chọn vào món ăn. 4. Quản lý nhập giá cần cập nhật vào ở khung bên cạnh của món ăn rồi xác nhận. | 1. Hệ thống kiểm tra thông tin và phân quyền. 2. Hệ thống hiển thị dashboard quản lý món ăn. 3. Hệ thống hiển thị thông tin món ăn (cho phép thay đổi) trong khung CRUD. 4. Hệ thống kiểm tra rồi cập nhật vào database và hiển thị lại giá. |
| **Ngoại lệ:** | 1.1. Nếu đăng nhập sai, hệ thống yêu cầu đăng nhập lại.  1.2. Nếu tài khoản bị khóa, hệ thống thông báo tùy chối truy cập.  4.1. Nếu giá tiền không hợp lệ thì hệ thống sẽ báo lỗi và không cập nhật.  4.2. Nếu quản lý không xác nhận thì ảnh mới sẽ không được cập nhật. | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên Use Case:** | Xem thông tin món ăn. | |
| **Kịch bản:** | Khách hàng muốn xem thông tin của món ăn. | |
| **Sự kiện kích hoạt:** | Khách hàng chọn một món ăn để xem thông tin. | |
| **Tóm tắt mô tả:** | Khách hàng truy cập ứng dụng, ở trang chủ hiển thị danh sách món ăn, khách hàng chọn một món để xem thông tin. | |
| **Actors:** | Khách hàng. | |
| **Stakeholders:** |  | |
| **Điều kiện trước:** | Khách hàng truy cập vào ứng dụng thành công. | |
| **Điều kiện sau:** | Hiển thị thông tin món ăn mà khách hàng muốn xem. | |
| **Luồng chính:** | Actor | System |
| 1. Khách hàng truy cập vào ứng dụng. 2. Khách hàng chọn món ăn từ danh sách các món ăn được hiển thị. | 1. Hệ thống truy xuất dữ liệu và hiển thị danh sách món ăn như mặc định. 2. Hiển thị thông tin món ăn cho khách hàng. |
| **Ngoại lệ:** | 2.1. Khách hàng có thể chọn xem thông tin món ăn từ danh sách tìm kiếm, chi nhánh. | |